

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/02/ 2022
V/v Anh Đỗ Ngọc D xin ly hôn
chị Nguyễn Thị H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mạnh Nhanh
Ông Nguyễn Đại Đồng
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Quang – cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 159/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022; và thông báo thay đổi lịch phiên tòa ngày 08/02/2022, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 16/02/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Ngọc D, sinh năm 1975 (*Có mặt*)
- *Bị đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1978 (*Có mặt*)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 8, Thôn V, xã H, huyện M, TP. Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Anh D trình bày:

Anh D có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với chị Lê Thị H tại UBND xã Hợp Tiến năm 1998. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau, do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm về lối sống do các bên đều có nghi ngờ bên kia ngoại tình. Từ giữa năm 2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai nữa, trong quá trình ly thân vợ chồng cũng đã nhiều lần tìm mọi biện pháp hàn gắn nhưng không thành mà tình cảm vợ chồng không thể cứ vẫn được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, sống với nhau không có hạnh phúc, mâu

thuần đã trầm trọng, Anh D đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Bị đơn chị Lê Thị H không có yêu cầu phản tố, nhất trí với trình bày của Anh D về quan hệ hôn nhân có kết hôn tự nguyện nhưng quá trình chung sống đôi bên đã phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm nay do Anh D là người ham cờ bạc và đã có quan hệ ngoài tình với nhiều người phụ nữ bên ngoài xã hội nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nhưng chị không nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của Anh D vì đã có con chung cần được cả bố và mẹ nuôi dạy. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ chung sống.

- Về con chung: Chị và Anh D có 02 con chung là Đỗ Huyền T, sinh ngày 27/4/1999 và Đỗ Thị Mai L, sinh ngày 22/8/2006. Hiện cháu T đã thành niên, tự lập nên không yêu cầu giải quyết. Trường hợp phải ly hôn, Anh D và chị H đều có nguyện vọng xin được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L nếu cháu L xin được ở với mình, không không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công sức và nợ chung: Các bên đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa: Anh D, chị H vẫn giữ nguyên các yêu cầu và quan điểm của mình như đã trình bày ở trên.

Về con chung: Cháu L có lời trình bày xin được ở với mẹ nên chị nhất trí trực tiếp nuôi cháu Linh khi vợ chồng ly hôn, quyền trợ cấp nuôi con chung là do Anh D, chị không yêu cầu.

Quan điểm của Anh D sẽ có trách nhiệm với con chung cho đến khi con chung trưởng thành nhưng không đề nghị ghi nhận mức trợ cấp trong bản án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã làm đúng qui trình tố tụng, không có vi phạm gì, đã xác định đúng tư cách của đương sự, giải quyết đúng thời hạn của vụ án.

Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, xét xử công tâm khách quan về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị H không yêu cầu Anh D cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có thay đổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị nên không xem xét.

Về án phí: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

2.1 Xét quan hệ hôn nhân: Anh D và chị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện M, TP. Hà Nội. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn: Cả hai anh chị đều trình bày hôn nhân không có hạnh phúc do các bên đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu và không hóa giải được. đã ly thân từ nhiều năm nay nên tình cảm vợ chồng đã hết. Anh D xin được ly hôn, chị H vẫn xin đoàn tụ vì con chung cần bố mẹ cùng nuôi dạy chứ không vì lý do còn tình cảm với Anh D. Đó đó, xác định vợ chồng có mâu thuẫn là thật và thời gian ly thân kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, mâu thuẫn đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Xét thấy chị H có mong muốn đoàn tụ chỉ là đơn phương từ một phía và không xuất phát từ tình cảm thật sự với Anh D mà chỉ vì muốn đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Nên yêu cầu ly hôn của Anh D cần được chấp nhận là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về con chung: Chị và Anh D có 02 con chung là Đỗ Huyền T, sinh ngày 27/4/1999 và Đỗ Thị Mai L, sinh ngày 22/8/2006. Hiện cháu T đã thành niên không xem xét giải quyết. Anh D tại phiên tòa đồng ý để chị H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L, Không không yêu cầu Anh D phải cấp dưỡng nuôi con, Cháu L cũng có mong muốn ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận sự tự nguyện của đôi bên về người nuôi con chung là chị H và không yêu cầu ghi nhận mức trợ cấp nuôi con chung của Anh D trong vụ án này là phù hợp tại điều 81, 82, 83, 84 luật hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản, công nợ chung: các bên đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên không xem xét

2.4 Về án phí: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản Điều 147, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án ngày 21/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Ngọc D, xử cho anh Đỗ Ngọc D được ly hôn chị Lê Thị H.

3. Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về con chung. Khi ly hôn Anh D giao cháu Đỗ Thị Mai L, sinh ngày 22/8/2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L, không yêu cầu ghi nhận mức trợ cấp nuôi con chung của Anh D trong vụ án này cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến

khi có yêu cầu mới về người trực tiếp nuôi con chung và mức trợ cấp nuôi con chung.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. Về tài sản, nợ chung: Các bên đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Anh D đã nộp theo biên lai thu số 0038608 ngày 12/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm,

Nơi nhận:

- TANDTP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Hồng